

Hàn nho phong vị phú

Chém cha cái khó !
Chém cha cái khó !
Khôn khéo mấy ai ?
Xấu xa một nó !
Lục cực bày hàng sáu, rành rành kinh huấn chẳng sai,
Vạn tội lấy làm đầu, ấy ấy ngạn ngôn hẳn có.

Kìa ai:
Bốn vách tường mo,
Ba gian nhà cỏ.
Đầu kèo một đục vẽ sao,
Trước cửa nhện giăng màn gió .
Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng,
Ổng nửa đựng đầu kê đầu đồ.
Đầu giường tre, mối dũi quanh co,
Góc tường đất, giun đùn lỗ nhỏ.
Bóng nắng dọi trứng gà bên vách, thằng bé tri tro,
Hạt mưa soi hang chuột trong nhà , con mèo ngáp ngó .
Trong cũi, lợn nằm gặm máng, đôi chẳng muốn kêu,
Đầu giàn, chuột cây khua niêu, buồn thôi lại bỏ.
Ngày ba bữa, vỗ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn
chẳng cầu no,
Đêm năm canh, an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa
thường bỏ ngõ.
Ấm trà góp lá bàng lá vối, pha mùi chát chát chua chua,
Miếng trâu tằm vỏ mạn vỏ dứa, buồn miệng nhai nhai
nhỏ nhỏ.
Áo vải thô nặng trĩu, lạnh làm mền, nức làm gối, bốn
mùa thay đổi bấy nhiêu,
Khăn lau giặt đồ lôm, giặt làm chiếu, vận làm quần, một
bộ ăn chơi quá thú.
Đỡ mồ hôi, vồng lác, quạt mo,
Chống hơi đất, dép da, guốc gỗ.
Miếng ăn sẵn cà non mướp luộc, ngon khéo là ngon,
Đồ chơi nhiều quạt sậy điều tre, của đâu những của.
Đồ chuyên trà , ấm đất sứ vôi ,
Cuộc uống rượu , be sành chấp cổ .
Đồ cổ khí bức tranh treo trên vách, khói bay lem luốc,
màu thủy mặc mờ mờ,
Của tiểu đồng pho sách gác đầu giàn, gián nhấm lăm
nhấm, dẫu thô châu đo đồ.
Cổ bài lá, ba đời cửa tướng, hàng văn sách mập mờ,
Bàn cờ sừng, bảy kiếp nhà ma, chữ nhật chữ điền xiêu
xó.
Lộc nhĩ điền lúa chất đầy rương,
Phương tịch cốc khoai vừa một rổ.
Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba cọc ba
đồng,
Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một chiêm
một bó,
Mỏng lưng xem cũng không giàu,
Nhiều miệng lấy chi cho đủ .

Đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc dường ong,
Quả kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó .
Thuốc men rắc bòn chài gỡ bữa, song nghĩ câu ý đã, thế
nào cho đáng giá lương y,
Thầy bà mong dối trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ dừng như,
phép chi được nổi danh pháp chủ.
Quê đã hạc toan nhờ lộc thánh, trút muối đổ biển, ta
chẳng bỏ bèn,
Huyết chân long toan bán đất trời, ngôi mả táng cha, tìm
còn chữa chỗ.
Buôn bán rắc theo nghề đỏ, song lạ mặt, chúng hòng
rước gánh, mập mờ nên hàng chẳng có lời,
Bạc cò toan gỡ con đen, chưa sẵn lưng, làng lại dành
nơi, hỏi gạn mãi giam không ra thỏ.
Gặp khúc lươn, nên ít kẻ yêu vì,
Gương mắt ếch, biết vào đâu mượn mõ.
Đến lúc niên chung nguyệt quý, lấy chi tiêu đồng nợ
đồng công?
Gặp khi đường xẩy chân cùng, nên phải tới cửa này cửa
nợ.
Thân thi to to nhỏ nhỏ, ta đã mỗi căng ngòi trì,
Dần dà nợ nợ kia kia, nó những vuốt râu làm bộ.
Thầy tớ sợ men tìm đến cửa, ngánh mặt cúi đầu,
Chị em e vát lăm vào lưng, chia môi nhón mỡ.
Láng giềng ít kẻ tới nhà,
Thân thích chẳng ai nhìn họ.
Mất việc toan dở nghề cơ tắc, tủi con nhà mà hổ mặt anh
em,
Túng đường mong quyết chí cùng tư, e phép nước chưa
nên gan sừng sỏ.
Cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ, dường ngâm
câu lạc đạo vong bản,
Gặp anh em khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ vi nhân bất
phủ.
Tắt do thiên, ậu phận ấy là thường,
Hữu kỳ đức, ất trời kia chẳng phụ.
Tiếc tài cả phải phạm ngư bản trúc, dấu xưa ông Phó
ông Hề,
Cần nghiệp kho khi tạc bích tự huỳnh, thuở trước chàng
Khuông chàng Vũ.
Nơi thành hạ đeo cần câu cá, kia kia người quốc sĩ Hoài
âm,
Chốn lý trung xách thớt chia phần, nợ nợ đáng mưu thần
Dương võ.
Khó ai bằng Mãi Thần Mông Chính, cũng có khi ngựa
cưỡi dù che,
Giàu ai bằng Vương Khải Thạch Sùng, cũng có hội
tường xiêu ngói đổ .

Mới biết :
Khó bởi tại trời,
Giàu là cái số.
Dầu ai ruộng sâu trâu nái, đụn lúa kho tiền,
Cũng bắt quá thủ tài chi lỗ.

(Trích Văn Đàn Bảo Giám)

Nguyễn Công Trứ